

KẾ HOẠCH
Nâng cao ứng dụng Công nghệ thông tin
trong thực hiện thủ tục hành chính của ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2022

Thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030; Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Kế hoạch số 227/KH-UBND ngày 21/09/2020 chuyển đổi số thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 216/KH-UBND ngày 23/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước thành phố giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 3818/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính nhà nước thành phố Hải Phòng năm 2022; triển khai Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 theo chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Nội vụ, Thành phố, gắn với triển khai đầy đủ, toàn diện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố khóa XVI, nhiệm kỳ 2020-2025; Kế hoạch số 103/KH-UBND ngày 29/3/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ giải pháp trong tam phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025; Quyết định số 2831/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định Chỉ số cải cách hành chính; Bộ chỉ số cải cách hành chính đánh giá cải cách hành chính của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các quận, huyện trên địa bàn thành phố;

Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng Kế hoạch nâng cao ứng dụng Công nghệ thông tin trong thực hiện thủ tục hành chính của ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2022 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Xác định ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) là nhiệm vụ trọng tâm triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 29 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục đào tạo. Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Đề án

"Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2021-2025" triển khai trong toàn ngành.

- Nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố, đặc biệt là người đứng đầu các phòng, ban và các đơn vị giáo dục trong công tác cải cách hành chính nói chung và trong việc nâng cao ứng dụng CNTT trong hoạt động quản lý điều hành hàng năm của ngành Giáo dục và Đào tạo nói riêng.

- Đẩy mạnh triển khai Chính phủ điện tử, hướng đến Chính phủ số trong toàn ngành. Chuyển đổi số trong đó sử dụng văn bản điện tử, từng bước số hoá thủ tục hành chính, sổ sách học bạ sổ điểm điện tử thay thế văn bản, tài liệu giấy; hoạt động chỉ đạo, điều hành, giao dịch, họp, tập huấn được thực hiện chủ yếu trên môi trường mạng. Sử dụng văn bản điện tử, sổ sách học bạ sổ điểm điện tử thay thế văn bản, tài liệu giấy; hoạt động chỉ đạo, điều hành, giao dịch, họp, tập huấn được thực hiện chủ yếu trên môi trường mạng.

- Cải thiện và nâng cao chỉ số cải cách hành chính trên tất cả các lĩnh vực theo Đề án xác định chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân quận, huyện trong từng giai đoạn. Bộ chỉ số cải cách hành chính đối với sở, ngành và Bộ chỉ số cải cách hành chính đối với Ủy ban nhân dân quận, huyện của từng năm.

- Nâng vị trí xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính của ngành Giáo dục và Đào tạo năm sau cao hơn năm trước và nằm trong top đầu khối các sở, ban, ngành quận, huyện của Thành phố.

2. Yêu cầu

- Bám sát các nội dung Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 3818/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính nhà nước thành phố Hải Phòng năm 2022; Quyết định số 2831/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định Chỉ số cải cách hành chính; Bộ chỉ số cải cách hành chính đánh giá cải cách hành chính của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các quận, huyện trên địa bàn thành phố để thực hiện đạt từng chỉ tiêu cụ thể.

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền trong cơ quan, đơn vị, sự phối hợp chặt chẽ giữa các Sở, Ban, Ngành tập trung vào các nội dung, lĩnh vực ứng dụng Công nghệ thông tin trong công tác cải cách hành chính.

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, của cán bộ, công chức trong thực thi công vụ; Tăng cường sự giám sát của mọi tầng lớp nhân dân trong quá trình triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính, nâng cao sự hài lòng của tổ chức cá nhân trong thực thi công vụ, thực hiện thủ tục hành chính.

II. NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP: (Số thứ tự theo Phụ lục II Bộ chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành kèm theo Quyết định số 2831/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND Thành phố).

STT	Nội dung thực hiện	Đơn vị thực hiện
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG	
3.1	Công tác chỉ đạo, điều hành về kiểm soát TTHC	Văn phòng Sở, các phòng cơ quan Sở, các đơn vị giáo dục
3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát, đánh giá TTHC thuộc thẩm quyền: Tổ chức rà soát, đánh giá TTHC và xử lý hoặc kiến nghị xử lý 100% số vấn đề phát hiện qua rà soát	Văn phòng Sở, các phòng cơ quan Sở, các đơn vị giáo dục
3.3	Công bố, công khai TTHC	
3.3.1	Trình công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn thành phố	Văn phòng Sở
3.3.2	Công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC	Văn phòng Sở, các phòng cơ quan Sở, các đơn vị giáo dục
3.3.3	Công khai TTHC trên Cổng thông tin điện tử của đơn vị	Văn phòng Sở, các phòng cơ quan Sở, các đơn vị giáo dục
3.4.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	Văn phòng Sở, các phòng cơ quan Sở, các đơn vị giáo dục
3.4.1	Ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản quy định về Bộ phận Một cửa theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP	Văn phòng Sở, các phòng cơ quan Sở, các đơn vị giáo dục
3.4.2	Tỷ lệ 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được tiếp nhận, thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa	Văn phòng Sở, các phòng cơ quan Sở
3.4.3	Tỷ lệ 95% hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	Văn phòng Sở, các phòng cơ quan Sở
3.4.4	Niêm yết công khai địa chỉ tiếp nhận phản ánh kiến nghị, số điện thoại đường dây nóng về thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa	Văn phòng Sở, các phòng cơ quan Sở, các đơn vị giáo dục
3.5	Không để phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	Văn phòng Sở, các phòng cơ quan Sở, các đơn vị giáo dục

7	HIỆN ĐẠI HÓA NỀN HÀNH CHÍNH	
7.1	<i>Ứng dụng công nghệ thông tin công tác cải cách hành chính của cơ quan</i>	Văn phòng Sở, các phòng cơ quan Sở, các đơn vị giáo dục
7.1.1	Tỷ lệ thông tin hồ sơ giải quyết TTHC (tại bộ phận Một cửa) được cập nhật, luân chuyển xử lý trong hệ thống MCĐT-DVCTT của các đơn vị đạt 100%	Các phòng cơ quan Sở, các đơn vị giáo dục
7.1.2	Tỷ lệ thông tin hồ sơ giải quyết TTHC (tại Bộ phận Một cửa) đúng hạn trên Hệ thống MCĐT-DVCTT của các đơn vị đạt trên 98%	Các phòng cơ quan Sở, các đơn vị giáo dục
7.1.3	100% TTHC trong hệ thống MCĐT-DVCTT được cập nhật quy trình điện tử	Các phòng cơ quan Sở, các đơn vị giáo dục
7.2	<i>Cung cấp các loại thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp</i>	Văn phòng, các đơn vị giáo dục
7.3	<i>Cung cấp thông tin chỉ đạo điều hành của các cấp lãnh đạo kịp thời trên Cổng thông tin điện tử của đơn vị hàng ngày</i>	Văn phòng, các phòng cơ quan Sở, các đơn vị giáo dục
7.4	<i>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</i>	Các phòng cơ quan Sở, các đơn vị giáo dục
7.4.1	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3,4 có phát sinh hồ sơ trong năm từ 90% số TTHC trở lên	Các phòng cơ quan Sở, các đơn vị giáo dục
7.4.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3 từ 40% hồ sơ TTHC trở lên	Các phòng cơ quan Sở, các đơn vị giáo dục
7.4.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4 từ 30% hồ sơ TTHC trở lên	Các phòng cơ quan Sở, các đơn vị giáo dục
7.5	<i>Thực hiện quy định về tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (Tỷ lệ TTHC đã triển khai, tiếp nhận, giải quyết)</i>	Các phòng cơ quan Sở, các đơn vị giáo dục
7.5.1	Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI từ 50% số TTHC trở lên có phát sinh hồ sơ	Các phòng cơ quan Sở, các đơn vị giáo dục
7.5.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI trên 15% số hồ sơ TTHC trở lên	Các phòng cơ quan Sở, các đơn vị giáo dục
7.5.3	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI trên 15% số hồ sơ TTHC trở lên	Các phòng cơ quan Sở, các đơn vị giáo dục
7.6	<i>Thực hiện áp dụng, duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 đối với tất cả các thủ tục hành chính được công bố theo quy định</i>	Văn phòng, các phòng cơ quan Sở, các đơn vị giáo dục

	<i>của pháp luật thuộc thẩm quyền giải quyết theo Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ</i>	
7.6.1	Áp dụng trên thực tế hệ thống văn bản, tài liệu và quy trình theo Hệ thống quản lý chất lượng do người đứng đầu sở, ban, ngành quyết định ban hành.	Các phòng cơ quan Sở, các đơn vị giáo dục
7.6.2	Công bố hoặc công bố lại (khi có sự điều chỉnh, mở rộng, thu hẹp phạm vi áp dụng) việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015; có niêm yết tại trụ sở cơ quan và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử thành phần của sở, ban, ngành trong hệ thống Cổng thông tin điện tử thành phố	Các phòng cơ quan Sở, các đơn vị giáo dục
7.6.3	Duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2015	Các phòng cơ quan Sở, các đơn vị giáo dục
7.6.4	Hàng năm tổ chức bồi dưỡng, đào tạo, cập nhật kiến thức, thực tế áp dụng về xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng và nghiệp vụ kiểm tra cho cán bộ, công chức, viên chức	Ban chỉ đạo ISO
7.6.5	Thực hiện việc nhận diện bối cảnh và xác định rủi ro	Các phòng cơ quan Sở, các đơn vị giáo dục
7.7	<i>Thực hiện giải quyết các TTHC theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015</i>	Các phòng cơ quan Sở, các đơn vị giáo dục
7.7.1	100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được xây dựng và áp dụng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 của các đơn vị	Các phòng cơ quan Sở, các đơn vị giáo dục
7.7.2	100% tổng số hồ sơ phải giải quyết theo TTHC đúng quy trình ISO	Các phòng cơ quan Sở, các đơn vị giáo dục
8	MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH CÁC NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO TRONG CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC NĂM CỦA UBND THÀNH PHỐ	Văn phòng, các phòng cơ quan Sở, các đơn vị giáo dục
8.1	Số lượng nhiệm vụ được giao hoàn thành trong Chương trình công tác năm của UBND thành phố	Văn phòng, Các phòng cơ quan Sở, các đơn vị giáo dục
8.2	Số lượng nhiệm vụ được giao hoàn thành đúng thời hạn trong Chương trình công tác năm của UBND thành phố	Văn phòng, Các phòng cơ quan Sở, các đơn vị giáo dục

III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ, PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

Các phòng cơ quan Sở và các đơn vị giáo dục căn cứ các nhiệm vụ theo Kế hoạch, tập trung tổ chức thực hiện đảm bảo chất lượng và hiệu quả. Căn cứ nội dung Kế hoạch này, các phòng cơ quan Sở, đơn vị giáo dục chủ động xây dựng kế hoạch chi tiết, phân công, phân nhiệm cụ thể cho từng cán bộ, kiểm tra, đôn đốc thường xuyên đảm bảo đạt các chỉ số về cải cách hành chính. Tăng cường các biện pháp thông tin, tuyên truyền việc thực hiện cải cách hành chính, công khai trên Cổng thông tin điện tử đơn vị để cán bộ và nhân dân biết thực hiện và giám sát.

Giao phòng Văn phòng Sở thường trực Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính - chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch này. Hàng tháng, quý tổ chức họp sơ kết, đánh giá, đề xuất các biện pháp khắc phục những hạn chế, báo cáo Ban chỉ đạo Cải cách hành chính Sở Giáo dục và Đào tạo xin ý kiến chỉ đạo kịp thời.

Giao phòng Kế hoạch Tài chính - Tài chính chủ trì phối hợp với các phòng, đơn vị bố trí nguồn kinh phí để triển khai thực hiện Kế hoạch này.

Yêu cầu các phòng cơ quan Sở, các đơn vị giáo dục căn cứ chức năng, nhiệm vụ nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện, định kỳ báo cáo kết quả nâng cao ứng dụng Công nghệ thông tin trong thực hiện thủ tục hành chính tại đơn vị về Sở Giáo dục và Đào tạo (qua Văn phòng Sở) trước ngày 20/12/2022 để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Sở Thông tin và Truyền thông.

Nơi nhận:

- UBND thành phố (để báo cáo);
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Ban Giám đốc Sở;
- Trưởng các phòng Sở;
- Phòng GD&ĐT quận, huyện;
- Các trường THPT;
- Các Trung tâm GDNN&GDTX quận, huyện;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Quốc Hiệu